

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: **98/2023/DS-ST**

Ngày 16-8-2023.

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dư Văn Thanh
2. Bà Nguyễn Bạch Nhạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 85/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Thiện T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số A T, khu vực Y, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Vũ P, sinh năm 1992 (có mặt). Địa chỉ: Số C T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 13/02/2023).

2. Bị đơn: Ông Phạm Nguyễn Minh T1, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A Kênh C, Khóm F, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 02 năm 2023 của nguyên đơn ông Trần Thiện T, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Vũ P trình bày:

Theo hợp đồng vay tiền ngày 12/11/2020 được công chứng tại [Văn phòng công chứng Trần Văn Thanh thành phố C](#), ông [Phạm Nguyễn Minh T1](#) có vay của ông [Trần Thiện Thuật](#) s tiền 200.000.000 đồng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận vào từng thời điểm theo quy định của [Ngân hàng N](#) và được thanh toán vào ngày đầu tiên của mỗi tháng, thời hạn vay 03 tháng, việc giao nhận tiền được thực hiện ngay tại Văn phòng công chứng [Trần Văn T2](#). Từ khi nhận tiền cho đến nay thì ông [T1](#) không trả tiền vốn và tiền lãi theo thỏa thuận. Ông [T](#) đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông [T1](#) trả nợ nhưng ông [T1](#) luôn tìm cách né tránh và không hợp tác.

Nay ông [Trần Thiện T](#) yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

Buộc ông [Phạm Nguyễn Minh T1](#) trả cho ông [Trần Thiện T](#) tổng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 23/02/2023 là 325.020.000 đồng. Trong đó:

- Tiền gốc: 200.000.000 đồng.
- Tiền lãi từ tháng 11/2020 đến tháng 02/2021: $200.000.000 \text{ đồng} \times 1,67\%/\text{tháng} \times 03 \text{ tháng} = 10.020.000 \text{ đồng}$.
- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả $2,5\%/\text{tháng}$ tính từ tháng 3/2021 đến ngày 23/02/2023: $200.000.000 \text{ đồng} \times 2,5\%/\text{tháng} \times 23 \text{ tháng} = 115.000.000 \text{ đồng}$.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể chỉ yêu cầu: ông [Phạm Nguyễn Minh T1](#) trả cho ông [Trần Thiện T](#) tổng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 16/8/2023 là 280.230.000 đồng. Trong đó:

- Tiền gốc: 200.000.000 đồng.
- Tiền lãi từ ngày 12/11/2020 đến ngày 12/02/2021: $200.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 03 \text{ tháng} = 4.980.000 \text{ đồng}$.
- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả $1,25\%/\text{tháng}$ tính từ ngày 13/02/2021 đến ngày 16/8/2023: $200.000.000 \text{ đồng} \times 1,25\%/\text{tháng} \times 02 \text{ năm } 06 \text{ tháng } 03 \text{ ngày} = 75.250.000 \text{ đồng}$.

* Bị đơn ông [Phạm Nguyễn Minh T1](#) từ khi tòa án thụ lý vụ án đến nay đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến gì:

- *Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng trình bày ý kiến:* Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại các điều 68; 70; 71; 72; 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án qua thẩm tra các chứng cứ và

kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn cung cấp bản **chính** hợp đồng vay tiền ngày 12/11/2020 được công chứng tại Văn phòng công chứng Trần Văn Thanh thành phố C. Bị đơn không phản đối tình tiết, sự kiện, tài liệu mà nguyên đơn đưa ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các tài liệu chứng cứ và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa bị đơn Phạm Nguyễn Minh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Khoản 2, Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn T1.

[1.2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phạm Nguyễn Minh T1 trả tiền vay, bị đơn ông T1 có nơi cư trú tại số A Kênh C, Khóm F, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

[1.3] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể chỉ yêu cầu: ông Phạm Nguyễn Minh T1 trả cho ông Trần Thiện T tổng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 16/8/2023 là 280.230.000 đồng. Trong đó: Tiền gốc: 200.000.000 đồng. Tiền lãi từ ngày 12/11/2020 đến ngày 12/02/2021: 200.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 03 tháng = 4.980.000 đồng; Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả 1,25%/tháng tính từ ngày 13/02/2021 đến ngày 16/8/2023: 200.000.000 đồng x 1,25%/tháng x 02 năm 06 tháng 03 ngày = 75.250.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung: Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do nguyên đơn cung cấp, căn cứ khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận trên thực tế giữa ông Trần Thiện T và ông Phạm Nguyễn Minh T1 có giao kết hợp đồng vay tài sản ngày 12/11/2020, thỏa thuận thời gian trả là 03 tháng; có thỏa thuận lãi suất nhưng không xác định rõ lãi suất, ông T1 đã nhận đủ số tiền 200.000.000 đồng. Hết thời hạn 03 tháng cho đến nay ông T1 chưa trả số tiền

gốc cho ông T. Do đó, nguyên đơn T yêu cầu bị đơn T1 trả lại số tiền vốn vay 200.000.000 đồng là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn cho rằng, mặc dù trong biên nhận không có thỏa thuận lãi suất cụ thể nhưng các bên có thỏa thuận bằng lời nói, tiền lãi 1,67%/tháng. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 “trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này (10%/năm, lãi 0,83%/tháng) tại thời điểm trả nợ”. Đối với yêu cầu tính lãi quá hạn. Xét thấy, theo quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này; b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Do đó, **việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 12/11/2020 đến ngày 12/02/2021: 200.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 03 tháng = 4.980.000 đồng và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả 1,25%/tháng tính từ ngày 13/2/2021 đến ngày 16/8/2023: 200.000.000 đồng x 1,25%/tháng x 02 năm 06 tháng 03 ngày = 75.250.000 đồng. Tổng lãi 80.230.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.**

[4] Như vậy tổng số tiền vốn và lãi bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là 280.230.000 đồng, trong đó vốn là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn 4.980.000 đồng, lãi quá hạn 75.250.000 đồng.

[5] Như đã phân tích nêu trên, lời đề nghị của kiểm sát viên về nội dung vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thiện T được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn ông Phạm Nguyễn Minh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95; Điều 147; khoản 1 Điều 244, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 463, Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thiện T. Buộc bị đơn ông Phạm Nguyễn Minh T1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Thiện Thuật s tiền: 280.230.000 đồng, trong đó vốn là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn 4.980.000 đồng, lãi quá hạn 75.250.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Nguyên đơn ông Trần Thiện T không phải chịu. Hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Trần Thiện Thuật s tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.125.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0007598 ngày 08/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

2.2. Bị đơn ông Phạm Nguyễn Minh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 14.011.500 đồng.

3. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- Thi hành án DS - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bích Tuyền